

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST  
Ngày: 29-02-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lệ Chi

Ông Nguyễn Văn Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 532/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 tháng 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Tạm trú: Tổ 40, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh C; sinh năm 1982; địa chỉ: D, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo Giấy ủy quyền ngày 26/9/2023. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974; địa chỉ: 1 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1968; địa chỉ: 1 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Kiều T, sinh năm 1943; địa chỉ: 1 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; tạm trú: 13 N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, bản tự khai ngày 28/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn D và người đại diện theo uỷ quyền của ông D là bà Phan Thị Minh C thống nhất trình bày:*

Ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc L1 có quen biết nhau, do tin tưởng nên vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 ông D có cho chị em bà L và bà L1 vay số tiền 1.350.000.000 đồng, khi cho vay ông D giao tiền mặt trực tiếp cho bà L và bà L1. Việc vay tiền có làm giấy vay tiền “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” ngày 01/10/2021 và không có thỏa thuận thời hạn vay, chỉ thỏa thuận khi nào ông D có nhu cầu lấy lại tiền vay thì bà L và bà L1 sẽ trả lại cho ông D mà không cần phải báo trước, lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Ông D đã giao đủ số tiền 1.350.000.000 đồng cho bà L, bà L1. Bà L, bà L1 đã xác nhận đã nhận đủ số tiền vay của ông D và ký tên vào giấy vay tiền, khi vay thì bà L1 và bà L có đưa cho ông D chứng minh nhân dân bản photo của bà L và bà L1, ngoài những giấy tờ này thì bà L1 và bà L không có thể chấp giấy tờ hay tài sản gì khác cho ông D. Quá trình vay tiền, bà L1 và bà L không có trả tiền lãi, cũng như tiền gốc cho ông D mặc dù ông D nhiều lần yêu cầu bà L và bà L1 trả lãi cũng như tiền vay gốc nhưng bà L và bà L1 đưa ra lý do làm ăn khó khăn nên chỉ hứa hẹn, trì hoãn. Đến giữa tháng 8/2023 do ông D có nhu cầu lấy lại tiền vay nên ông D đã thông báo bằng văn bản và yêu cầu bà L và bà L1 trả tiền gốc đã vay và lãi suất cho ông D nhưng bà L, bà L1 không trả tiền cũng không đưa ra phương án và thời gian cụ thể trả tiền cho ông D nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông D. Do đó, ông D khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và bà L1 phải trả lại số tiền vay gốc cho ông D là 1.350.000.000 đồng, ông D không yêu cầu trả lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Bà Lê là em ruột của bà L1, bà L có quen biết nhau ông D nên ông D mới cho bà L vay tiền, việc vay tiền thành nhiều lần với tổng số tiền vay là 1.350.000.000 đồng có ghi giấy nợ vào ngày 01/10/2021. Việc vay tiền chỉ có một mình bà Lê v của ông D, còn bà L1 không vay tiền nhưng khi làm giấy vay tiền, do tin tưởng ông D nên khi ông D kêu chị em bà L, bà L1 cùng ký vào bên vay tiền thì bà L và bà L1 nghe theo và ký vào. Bà L cho rằng bà L1 ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng chứ không phải người vay tiền như ông D đã khai. Số tiền vay được bà L sử dụng vào mục đích buôn bán và bà L1 không sử dụng đến số tiền này. Về lãi xuất vay bà L khai rằng ban đầu là cứ vay 1.000.000 đồng thì 01 đóng lãi là 200.000 đồng, bà Lê đ thành nhiều lần cho mỗi đợt và bà L không nhớ đã đóng tiền lãi là bao nhiêu vì khi đóng tiền lãi thì không làm giấy tờ gì hết, vay đến năm thứ 2 thì ông D có giảm tiền lãi cho bà L là 1.000.000 đồng đóng 150.000 đồng. Hợp đồng vay tiền là hợp đồng vay không thời hạn, khi nào có khả năng đóng tiền lãi thì cứ tiếp tục kéo dài thời hạn vay.

Trong quá trình trình vay tiền bà L có trả tiền gốc cho ông D là 500.000.000 đồng vào năm 2021, đến khoảng tháng 11 - 12 năm 2022 thì ông D một yêu cầu bà L phải bán  $\frac{1}{2}$  căn nhà (do mẹ ruột của bà Lê t Võ Kiều T tặng cho bà L) để cân trừ số tiền nợ 750.000.000 đồng, việc thỏa thuận bán  $\frac{1}{2}$  căn nhà để cân trừ nợ chỉ nói miệng chứ không

có lập giấy thoả thuận. Do tin tưởng ông D nên khi trả tiền lãi, tiền gốc bà L không viết giấy tờ và cũng không có lấy lại giấy vay tiền mà mọi giấy tờ liên quan đều do ông D giữ hết, bà L không có giữ giấy tờ gì hết. Bà Lê c nhớ khi bán nhà có ra Thừa phát lại để bán chuyển nhượng với ông Bùi Văn T1 là anh họ của ông D. Hiện tại bà Lê c còn nợ ông D là 100.000.000 đồng nên bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L1 trình bày:*

Bà L1 là chị ruột của bà L. Bà L1 không có vay tiền của ông D, chỉ có bà L vay tiền của ông D. Tuy nhiên, khi làm giấy tờ vay tiền thì ông D kêu bà L1 ký vào với tư cách là người làm chứng nên bà L1 tin tưởng mới ký vào giấy vay tiền, bà L1 xác nhận chữ viết tay trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2021 là chữ viết của ông D, khi ông D viết thì không có mặt của bà L và bà L1. Còn chữ ký tên L1, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Ngọc L1 và dấu lấn tay là của L1.

Về số tiền bà Lê nợ ông D thì bà L1 cho biết là ông D cho bà L vay nhiều lần, vay xong trả, rồi lại vay với tổng số tiền nợ còn lại là 1.350.000.000 đồng, vay với lãi suất 20%/tháng. Cuối năm 2021, bà L thoả thuận với ông D là lấy ½ căn nhà của bà L (nhà do mẹ ruột Võ Kiều T) để trừ nợ. Giá trị ½ căn nhà là 01 tỷ đồng, cần trừ số tiền 750.000.000 đồng tiền nợ, ông D đưa lại bà L 250.000.000 đồng, hiện tại bà Lê c còn nợ 100.000.000 đồng. Nhưng không hiểu vì sao mà nợ vẫn còn thiếu ông D 1.350.000.000 đồng. Theo bà L1 được biết, khi mua ½ căn nhà để trừ nợ bà L vay thì ông D có nhờ ông Bùi Văn T1 là người quen của ông D đứng tên dùm ông D, sau này ông T1 bán lại cho người khác thì bà L1 không biết tên. Do đây là nhà của mẹ ruột (Võ Kiều T) nên người đứng ra giao dịch ký giấy tờ là bà T. Việc mua bán được thực hiện tại Văn phòng T4, khi đến ký giao dịch, ông T1 không có đưa tiền trực tiếp cho bà T và cũng không có đưa tiền cho bà L, nhưng sau đó đến khi bà Lê s nhà thì ông D mới thôi lại cho bà L số tiền 250.000.000 đồng và đưa thành nhiều đợt. Bà L1 cho rằng sau khi bà Lê b ½ căn nhà có giá 1 tỷ đồng cần trừ số tiền nợ 750.000.000 đồng, như vậy bà Lê c còn thiếu lại ông D 600.000.000 đồng nhưng ông D vẫn giữ giấy nợ 1.350.000.000 đồng và yêu cầu trả 1.350.000.000 đồng là không đúng. Vì vậy, bà L1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D.

*Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Võ Thị T2 trình bày:*

Bà T2 là mẹ ruột của bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc L1. Bà T2 cho biết bà T2 chỉ biết ông D là người cho bà L vay tiền để làm ăn kinh doanh nhưng không biết vay bao nhiêu, còn bà L1 không có vay tiền của ông D. Lãi suất mà ông D cho bà L vay là 20%/ tháng và bà L có trả tiền lãi nhiều lần cho ông D nhưng bà không rõ cụ thể là bao nhiêu và hiện tại bà L vẫn chưa trả nợ hết cho ông D. Bà T2 xác nhận ½ căn nhà là của bà T2 đứng tên nhưng do thấy bà Lê t1 nợ nên mới đồng ý cho bà Lê b ½ căn nhà bán cho ông D để cần trừ tiền nợ vay. Việc mua bán được thực hiện tại Văn phòng T4, do bà T2 đứng tên giao dịch cho ông Bùi Văn T1 (ông T1 là anh em họ với ông D và được ông D nhờ đứng ký giao dịch bên mua). Sau khi ký giấy tờ xong thì ông T1 cũng như ông D không có đưa tiền cho bà T2. Đối với số tiền 250.000.000 đồng dư ra sau khi bán ½ căn nhà để cần trừ tiền thì ít ngày sau ông D mới đưa cho bà Lê t2 nhiều. Nay, ông D vẫn giữ giấy vay tiền để yêu cầu con bà trả số tiền vay 1.350.000.000 đồng thì bà T2 không đồng ý.

*Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Bùi Văn T1 trình bày:*

Ông T1 với ông D là anh em chú bác. Ông T1 không quen biết bà T2, bà L, bà L1 mà chỉ là người được ông D giới thiệu mua miếng đất của bà T2 vào cuối năm 2022. Diện tích miếng đất khoảng 38m<sup>2</sup> và không có nhà trên đất với giá 990.000.000 đồng. Khi mua bán chuyển nhượng QSDĐ thì hai bên chỉ ra Văn phòng T4 để lập vi bằng giao nhận tiền. Ông T1 cho biết đã giao số tiền 990.000.000 đồng cho bà T2 tại Văn phòng T4 việc giao tiền có được thể hiện trong vi bằng. Về việc bà T2, bà L1 và bà L cho rằng việc bán 01 phần diện tích đất nên trên cho ông để cản trừ 01 phần tiền vay mượn của bà L với ông D là không đúng và ông T1 cũng không biết gì về việc vay mượn tiền này. Hiện nay, nhà đất mà ông T1 mua của bà T2 thì ông T1 đã chuyển nhượng cho người khác từ lâu nên ông T1 cũng không nhớ họ tên người mua.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi văn D1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Giấy vay tiền thể hiện ông D1 cho bà L và bà L1 vay số tiền 1.350.000.000 đồng vào ngày 01/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án, bà L, bà L1 và bà T2 cho rằng đã trả tiền được 1.250.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 100.000.000 đồng nhưng bà L, bà L1 và bà T2 không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, qua tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập từ Văn phòng T4 thì có thể hiện hình chụp ông Bùi Văn T1 giao tiền cho bà T2. Do đó, lời trình bày của bà L, bà L1 và bà T2 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D1.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/10/2021 thể hiện bên vay tiền là bà Nguyễn Ngọc L có địa chỉ thường trú tại: 1 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và bà Nguyễn Ngọc L1 có địa chỉ thường trú: 1 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều: 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc L1 và người làm chứng bà Võ Kiều T đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L, bà L1, bà T sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định các bên có ký vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2021 và số tiền vay là 1.350.000.000 đồng. Việc thừa nhận của các đương sự là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L và bà L1 trả số tiền vay là 1.350.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà L xác định trong quá trình vay tiền thì bà L có trả tiền gốc và lãi cho ông D1 nhiều đợt nhưng chỉ trả trực tiếp và không có làm giấy tờ gì, cụ thể là vào năm 2021, bà L có trả tiền gốc cho ông D1 là 500.000.000 đồng, đến khoảng tháng 11 - 12 năm 2022 thì ông D1 yêu cầu bà L phải bán  $\frac{1}{2}$  căn nhà (đây là nhà của bà Võ Kiều T là mẹ ruột của bà L cho bà Lê  $\frac{1}{2}$  căn nhà) để cần trừ nợ với số tiền 750.000.000 đồng, khi bán có ra Văn phòng T4 lập vi bằng nên số tiền còn nợ lại ông D1 là 100.000.000 đồng. Còn bà L1 trình bày là bà L1 không có vay tiền của ông D1 mà chỉ có một mình bà L vay tiền của ông D1, việc bà L1 ký vào giấy vay tiền dưới mục tên bên vay là do ông D1 kêu bà L1 ký nên bà L1 mới ký nhưng bà L1 chỉ ký vào với tư cách là người làm chứng, không phải là người vay tiền. Người làm chứng bà T thống nhất với lời trình bày của bà L và bà L1, chính bà T là người ra Văn phòng T4 chuyển nhượng  $\frac{1}{2}$  căn nhà cho ông Bùi Văn T1 (ông T1 là người quen của ông D1). Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1 không đồng ý với lời trình bày của bà L, bà L1, bà T. Ông D1 cho bà L và bà L1 vay tiền, chứ không phải chỉ cho mỗi mình bà L vay tiền. Xét, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/10/2021 thể hiện “*Bên A - ông D1 cho bên B – bà L, bà L1 vay tiền 1.350.000.000 đồng, mục đích là để hỗ trợ tiêu dùng, mua sắm, đầu tư, kinh doanh với mức lãi suất theo thoả thuận của các bên dựa trên quy định của pháp luật, phương thức cho vay là bằng tiền mặt, tài sản thế chấp là sổ hộ khẩu, CMND và một số giấy tờ khác...Đại diện bên A ký tên, lăm tay và ghi họ tên Bùi Văn D, đại diện bên B ký tên, lăm tay và ghi họ tên Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc L1*”. Quá trình giải quyết vụ án, bà L1 thừa nhận chữ ký tên, chữ viết ghi họ tên và dấu lăm tay là của bà L1, còn người đại diện theo uỷ quyền của ông D xác định bà L1 ký tên dưới mục người vay tiền nên bà L1 không phải là người làm chứng mà là người vay tiền của ông D. Bà L1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào khác nên lời trình bày của bà L1 là không có căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, bà L1, bà Lê c1 là người vay tiền của ông D. Tại chứng cứ do Văn phòng T4 cung cấp thể hiện vào ngày 07/11/2022, Văn phòng Thừa phát lại có lập vi bằng về việc giao nhận tiền ông Bùi Văn T1 và bà Võ Kiều T, trong nội dung vi bằng có thể hiện ông T3 giao cho bà T số tiền 990.000.000 đồng và có chụp hình việc bàn giao nhận tiền giữa hai bên và qua lời khai của ông T1 thì ông T1 xác định là ông T1 có nhận chuyển nhượng đất của bà T, nhưng việc chuyển nhượng này không có liên quan gì đến số tiền nợ cần trừ giữa bà L với ông D, tiền mua đất là tiền riêng của vợ chồng ông. Tương tự như nhận định trên, bà T, bà L, bà L1 trình mà không đưa ra được chứng cứ chứng minh và phía ông D không đồng ý với lời trình bày này nên cũng không có căn cứ. Ngoài ra, bà Lê c2 trình bày là trong quá trình vay tiền thì bà L có trả cho ông D tiền lãi và tiền gốc 500.000.000 đồng vào năm 2021, việc trả tiền không có lập giấy tờ giao nhận gì và phía ông D xác định không có trả tiền và không thừa nhận lời trình bày này, bà L cũng không đưa ra chứng cứ nào khác, do đó lời trình bày của bà L là không có căn cứ. Bà L, bà L1 vay tiền của ông D với số tiền 1.350.000.000 đồng từ ngày 01/10/2021 không có trả gốc

và lãi nên phải có trách nhiệm trả cho ông D tiền nợ gốc và lãi suất. Tuy nhiên, ông D khởi kiện chỉ yêu cầu bà L và bà L1 trả nợ tiền gốc vay 1.350.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, phù hợp các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn D.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D không phải chịu do yêu cầu được chấp nhận. Bà L và bà L1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và các Điều: 5, 26, 35, 39, 91, 147, 184, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều: 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn D đối với bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc L1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc L1 có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc D2 số tiền vay gốc 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu số tiền 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho ông Bùi Văn D số tiền 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007064 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**

Số: 05/2024/QĐ-  
SCBSBA

*Dĩ An, ngày 04 tháng 3 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN DÂN SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương do có thiếu sót (vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Bùi Văn D với bị đơn bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc L1).

**QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương như sau:

- Tại dòng thứ 12 từ dưới lên trang 6 của Bản án nêu trên đã ghi: “...Nguyễn Ngọc D2...”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

- Tại dòng thứ 12 từ dưới lên trang 6 của Bản án nêu trên đã ghi: “...**Bùi Văn D**...”.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**